TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 23 /2019/ HNGĐ-ST
Ngày 22/05/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, ông Dương Minh Thiết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện C: bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên

Trong ngày 22/05/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐTS- HNGĐ ngày 19/04/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐ- HNGĐ ngày 06/05/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Đàm Văn S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh M trình bày: Chị và anh Đàm Văn S có đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/12/2017 tại UBND xã T, huyện C, trước khi đăng ký kết hôn anh chị đã tổ chức lễ cưới theo phong tục và sống với nhau từ tháng 7/2017, đến đầu tháng 8/2017 đã bắt đầu sẩy ra mâu, anh S thường xuyên đánh đập và chửi chị, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, tháng 01 năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị sống ly thân từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh S nhiều lần đến nơi chị làm việc chửi bới, đánh chị, nay chị xác định tình cảm không còn chị xin được ly hôn với anh S.

2.Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đàm Thị Nguyệt A, sinh ngày 24/09/2017. Hiện nay con đang ở với chị, con khỏe mạnh, phát triển bình thường, vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ anh Đàm Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không có mặt và không có bản tự khai nộp cho Tòa án. Tại biên bản làm việc với công an xã T thể hiện: Cán bộ Tòa án cùng công an xã đến

nhà anh S tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S, anh S không nhận biên bản và không ký vào biên bản giao nhận, cán bộ Tòa án đã giải thích và hướng dẫn anh S viết bản tự khai và ghi lời khai của anh S nhưng anh S từ chối làm việc,

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có đi xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin: Anh S chị M có kết hôn với nhau, sau khi kết hôn anh S, chị M thỉnh thoảng mới về địa phương sinh sống, trong thời gian sinh sống tại địa phương anh S, chị M có nhiều lần mâu thuẫn đánh chửi nhau nhưng không báo chính quyền địa phương, từ năm 2018 chỉ có một mình anh S ở địa phương còn chị M vẫn ở Lạng Sơn không về sống chung với anh S. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S, chị M địa phương không lắm được, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh S, chị M theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, do anh S vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 06/05/2019 anh S vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 22/05/2019.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt lần 2 không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt anh S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị M: Chị Đỗ Thị Thanh M được ly hôn anh Đàm Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Thanh M nuôi con Đàm Thị Nguyệt A, sinh ngày 24/09/2017.

Về án phí: Chị M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh M cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình anh S có hộ khẩu tại xã Tiên Lục, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý

do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điều Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh M và anh Đàm Văn S đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2017 tại UBND xã Tiên Lục, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của chị M về việc vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương về việc chị M và anh S có mâu thuẫn và không sống cùng với anh S, vợ chồng đã ly thân và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị M, anh S không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị M được ly hôn anh S.

[5].Về con chung: Vợ chồng chị M, anh S có 01 con chung là cháu Đàm Thị Nguyệt A, sinh ngày 24/09/2017, hiện nay con đang ở với chị M, trong quá trình giải quyết vụ án chị M có nguyện vọng được nuôi con. Anh S đã được Tòa án tống đat đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu ly hôn và xin nuôi con chung của chị M nhưng anh S không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Đàm Thị Nguyệt A, sinh ngày 24/09/2017 từ trước đến nay cháu vẫn sinh sống cùng với chị M, cháu vẫn phát triển bình thường, hiện nay cháu vãn chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cần giao cho chị Đỗ Thị Thanh M nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đàm Thị Nguyệt A, sinh ngày 24/09/2017 là phù hợp.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh S thực hiện quyền này.

Anh S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thanh M được ly hôn anh Đàm Văn S.

[2]. Về con chung: Giao cho cho chị Đỗ Thị Thanh M nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đàm Thị Nguyệt A, sinh ngày 24/09/2017.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh S thực hiện quyền này.

Anh S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật

[3]. Án phí: Chị Đỗ Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006911ngày 18/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị M có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà